

Cuốn sách này được xuất bản với sự tài trợ của Quỹ Ford

本書之出版受到福特基金的資助

This publication has been made possible thanks to the support of the Ford Foundation

Cet ouvrage a été publié avec le concours de la Fondation Ford



Ban biên tập - 編輯組
Editorial Committee - Comité de rédaction

NGÔ ĐỨC THỌ

NGUYỄN VĂN NGUYỄN

PHILIPPE PAPIN

PHAN VĂN CÁC

LÊ VIỆT NGÀ

DƯƠNG THỊ THE

Lời cảm ơn

Nhờ có lòng ham mê đối với lịch sử địa chí và địa lý lịch sử Việt Nam mà ban biên tập đã thành công trong việc ra mắt bạn đọc bộ *Đồng Khánh địa dư chí*. Tuy nhiên, bộ sách cũng không thể ra đời nếu không có sự đóng góp dù ít hay nhiều của biết bao người trong suốt quá trình từ lúc tham khảo các tài liệu viết tay cho tới khi được cấp giấy phép xuất bản.

Công trình này luôn nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của hai cơ quan khởi xướng dự án đó là Viện Nghiên cứu Hán Nôm, thuộc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia và Viện Viễn Đông Bác cổ. Chính vì vậy, chúng tôi xin chân thành cảm ơn ông Nguyễn Duy Quý, Giám đốc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, ông Phan Văn Các, nguyên Viện trưởng và ông Trịnh Khắc Mạnh, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hán-Nôm, đồng thời cảm ơn ông Denys Lombard, cố Giám đốc và ông Jean-Pierre Drège, Giám đốc Viện Viễn Đông Bác cổ.

Vì những lý do mà chúng ta ai cũng biết, nên Ban Biên giới của Chính phủ Việt Nam cũng tham gia vào dự án xuất bản của chúng tôi. Bản thảo sách này đã được chuyển lên Ban Biên giới Chính phủ (nay là Ban Biên giới Bộ Ngoại giao) góp ý kiến.

Bộ sách đã được Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia Việt Nam cùng hợp tác với Trung tâm Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội và Nhóm nghiên cứu "Péninsule Indochinoise" thuộc Ban Khoa học Lịch sử và Văn bản học Trường Cao học Thực hành và Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp thực hiện trong khuôn khổ của chương trình nghiên cứu "Những vùng biên giới thuộc Vương quốc Đại Việt".

Chúng tôi vô cùng biết ơn sự giúp đỡ về tài chính của Quỹ Ford tại Việt Nam, vì nếu không, chúng tôi không thể tiến hành dự án. Chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với ông John Ambler và ông Charles Bailey đã và đang là Giám đốc Quỹ Ford tại Việt Nam. Đồng thời, chúng tôi cũng bày tỏ lòng biết ơn chân thành nhất đối với ông Oscar Saleminck, từng phụ trách việc hợp tác trong lĩnh vực Khoa học Xã hội và Nhân văn của Quỹ, người đã dành cho chúng tôi không chỉ những điều kiện thuận lợi để hoàn thành công việc mà cả điều đáng quý hơn rất nhiều, đó là lòng tin. Chúng tôi cũng xin cảm ơn ông Michael DiGregorio, hiện đang phụ trách về Khoa học Xã hội của Quỹ, đã tạo điều kiện giúp đỡ cho bộ sách được xuất bản.

Chúng tôi cũng xin cảm ơn anh Andrew Hardy, người đã dịch bộ sách này ra tiếng Anh, và chị Vũ Thị Mai Anh, phụ trách Thư viện của Viện Viễn Đông Bác cổ, người chịu trách nhiệm làm bản in thử.

Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam cũng đã có những đóng góp quan trọng trong việc hoàn thành bộ sách. Nhân dịp này chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đối với tất cả những người trong 5 năm qua đã ủng hộ và giúp đỡ chúng tôi.

致謝辭

憑著對越南地志歷史與歷史地理學的熱心，編輯小組已作出努力以將同慶地輿志這一部書向廣大讀者介紹。但該計劃自動手研究原抄本至能接到出版簽證整個履行過程中，若沒有許多人從各方面的支持幫助則本書勢必無問世之際會。

本計劃經常得到越南社會與人文科學國家中心屬下的漢喃研究院和法國遠東學院這兩個創辦單位的熱情支持。因此我們誠心感謝越南社會與人文科學國家中心經理阮維貴先生，漢喃研究院原院長潘文閣先生和該院現任院長鄭克孟先生；同時亦誠心感謝法國遠東學院原院長 Denys Lombard 先生和和該院現任院長 Jean-Pierre Drège 先生。

本書稿子作好後已向越南政府的邊界局（今外交部邊界科）征求意见以便成書出版。

本書是屬於越南社會與人文科學國家中心與法國遠東學院駐河內代辦中心和法國高學實行學院的歷史學與版本學科 "Péninsule Indochinoise" 研究小組與法國遠東學院所共同進行合作的"大越王國邊境"研究項目。

我們非常知恩駐越福特基金會的資助，若沒有這種資助，我們的計劃將無法落實。因此我們誠心感謝該基金會駐越的兩位前任和現任經理 John Ambler 先生和 Charles Bailey 先生；同時亦誠心感謝該基金會社會與人文科學合作前負責人 Oscar Salemink 先生，他不僅為完成計劃創造順利條件，而且對我們工作予以更可貴的信心。我們亦誠心感謝該基金會社會與人文科學合作現任負責人 DiGregorio 先生已為本書的出版創造順利條件。

我們對負責本書英語編譯部分的 Andrew Hardy 先生及負責本書最後稿本校核工作的遠東學院圖書員武氏梅英女士謹表謝意。

法國駐越南大使館已對完成本書做出極為重要的協助。借此謹向五年來熱心擁護支持我們工作的一切人士表示衷心的感謝。

Acknowledgements

The first publication of the *Descriptive Geography of the Emperor Đồng Khánh* owes a great deal to its editors' passion for the history of space and its representations. But it would never have been seen the light of day without the contribution of all those, who at different stages and to different extents, from the initial examination of the manuscripts to the granting of permission to publish, helped to move the project along.

The project has, first and foremost, benefited from the constant support of its initiating institutions, the Hán-Nôm Institute, under the National Center for Social Sciences and Humanities (NCSSH), and the École française d'Extrême-Orient (EFEO). We extend our warm thanks to Nguyễn Duy Quý, director of the NCSSH, Phan Văn Các and Trịnh Khắc Mạnh, former and current directors of the Hán-Nôm Institute, as well as to the late Denys Lombard, formerly director of the EFEO, and Jean-Pierre Drège, the current director.

For reasons which everyone will understand, the Vietnam Borders Committee has been associated with the project, and it is with its approval that we have been able to publish this book.

This book has been published as part of the research programme on “The Marches of the Đại-Việt Empire”, a joint initiative of the Vietnam National Centre for Social Sciences and Humanities, the Hanoi centre of the EFEO and the research group “Péninsule Indochinoise” in the Forth Section (history and philology) of the École Pratique des Hautes Études and the EFEO.

We also wish to express our gratitude to the Ford Foundation in Vietnam, which financed the project and without which nothing would have been achieved. We would like to thank John Ambler and Charles Bailey, the successive directors of the Ford Foundation. We are indebted to Oscar Salemin, then responsible for the foundation's social and human sciences cooperation projects, who offered us ideal working conditions and, most precious of all, his trust. We are also grateful to Michael DiGregorio, currently responsible for the foundation's cooperation in the social sciences, for his patience and understanding during the final stages of publication.

We would also like to thank Andrew Hardy, who translated the text into English, as well Vũ Thị Mai Anh who, at the library of the EFEO in Hanoi, carried out much of the logistical work.

The support offered by the French Embassy in Vietnam has been considerable. We would also like to say thank you to all those other people who, during the five years of this project, have offered their help and assistance.

Remerciements

Cette publication inédite de la *Géographie descriptive de l'empereur Đông Khánh* est certes née de la passion que ses éditeurs vouent à l'histoire de l'espace et de ses représentations. Mais elle n'aurait jamais vu le jour sans la contribution de tous ceux qui, à des stades et des degrés divers, depuis la consultation initiale des manuscrits jusqu'à l'autorisation de publication, ont apporté leur aide.

Elle a d'abord bénéficié du soutien constant des institutions qui ont initié le projet, à savoir l'Institut Hán-Nôm, dépendant du Centre National des Sciences Sociales et Humaines du Việt-Nam, et l'École française d'Extrême-Orient. Que soient donc chaleureusement remerciés d'une part M. Nguyễn Duy Quý, directeur du CNSSH, MM. Phan Văn Các et Trịnh Khắc Mạnh, ancien et actuel directeurs de l'Institut Hán-Nôm, d'autre part M. Denys Lombard, ancien directeur de l'École française d'Extrême-Orient, aujourd'hui disparu, et M. Jean-Pierre Drège, actuel directeur de l'École.

Pour des raisons que chacun comprendra, le Comité des Frontières du Việt-Nam a été associé au projet, et c'est avec son accord que cet ouvrage a été publié.

Cette publication a été réalisée dans le cadre du programme d'étude sur "Les Marches de l'Empire du Đại-Việt", mené conjointement par le Centre National des Sciences Sociales et Humaines du Vietnam, le Centre de l'École française d'Extrême-Orient à Hanoi et le laboratoire Péninsule Indochinoise qui relève de la quatrième section de l'École Pratique des Hautes Études et de l'École française d'Extrême-Orient.

Que soit aussi très vivement remerciée la Fondation Ford au Việt-Nam, qui a financé cet ouvrage et sans qui rien n'aurait pu être fait. Ses directeurs successifs, MM. John Ambler et Charles Bailey, trouveront ici l'expression de notre profonde gratitude. Nous voudrions aussi exprimer toute notre reconnaissance envers M. Oscar Salemink, alors responsable de la coopération en sciences sociales et humaines, qui nous a offert non seulement les conditions idéales pour travailler mais aussi, ce qui est plus précieux encore, sa confiance. Son successeur, M. Michael DiGregorio, mérite lui aussi d'être remercié pour avoir si longtemps patienté avant de pouvoir enfin ouvrir ce livre.

Notre gratitude va également à M. Andrew Hardy, qui a bien voulu traduire le texte en anglais, de même qu'à Mme Vũ Thị Mai Anh qui, depuis la bibliothèque de l'École française d'Extrême-Orient, s'est chargée de la mise au point des morasses.

Le soutien de l'Ambassade de France au Việt-Nam a été important et nous lui adressons ici nos remerciements, auxquels nous associons tous ceux qui, durant cinq années, nous ont apporté concours et assistance.

Giải pháp, nguyên tắc và quy ước được sử dụng trong bộ sách *Đồng Khánh địa dư chí*

Bộ sách này là kết quả của một quá trình làm việc không ngừng trong suốt 5 năm qua, nó đã trải qua nhiều công đoạn khác nhau, sau mỗi công đoạn, kết cấu của nó lại có phần thay đổi. Sở dĩ như vậy là vì bộ *Đồng Khánh địa dư chí* hoàn toàn không phải là một tập sách thông thường, nghĩa là một cuốn sách được in theo một bản thảo sẵn có, mà có hai điểm khác biệt cơ bản sau. Trước hết, bản chép tay bao gồm 25 tập riêng biệt, mỗi tập là một "tấu sách" của một tỉnh, nên các tập được đặt kí hiệu theo thứ tự chữ cái tên các tỉnh, chứ không theo các vùng hành chính và địa lý hay theo nội dung ý nghĩa của văn bản. Đặc trưng thứ hai là các văn bản không phải là bản gốc, vì bản gốc đã bị thất lạc, mà chỉ là bản sao có nhiều chỗ bị sửa đổi, như ông Ngô Đức Thọ đã đề cập đến trong lời giới thiệu. Vì vậy, xuất bản bộ *Đồng Khánh địa dư chí* không đơn thuần là in ra một cuốn sách đã được hình thành hay là một tập hợp các bản thảo gốc mà chính là quá trình xác lập lại kết cấu văn bản và xây dựng thành một cuốn sách. Vì những lý do kỹ thuật về biên tập và ngôn ngữ nên nhóm biên tập chúng tôi buộc phải đưa ra một số giải pháp lựa chọn.

Nguyên bản bộ sách gồm 25 tập như đã giới thiệu ở trên. Tuy nhiên, do khuôn khổ của sách (cả lời văn và bản đồ) quá lớn, lần xuất bản này chỉ bao gồm 19 tập tính từ Thừa Thiên - Huế trở ra. Nội dung sách chia làm 3 phần : hai tập văn bản (I, II) và một tập bản đồ (III). Trước khi đi sâu vào giới thiệu chi tiết, chúng tôi xin trình bày qua về việc tổ chức lại bộ sách. Các bản đồ xen lẫn vào văn bản sau phần mô tả mỗi tỉnh, phủ, huyện, đã được tập hợp lại thành một tập riêng vì nhiều lý do khác nhau, trong đó có lý do kỹ thuật. Tập bản đồ được in riêng cho phép đọc giả vừa đọc tài liệu vừa có thể tra cứu bản đồ, như vậy có nghĩa là đọc hai văn bản cùng một lúc, điều đó rất phù hợp với quan điểm trước kia về địa lý, theo đó văn bản và bản đồ không thể tách rời nhau. Thông thường, dù có được nêu rõ trong phần ghi chú hay không, thì khi đọc văn bản chúng ta cũng phải tra cứu bản đồ và ngược lại. Trong văn bản người ta không cần nói hết mọi thông tin vì đã có bản đồ, ngược lại bản đồ cũng không nhắc đến những gì đã nêu trong văn bản, đấy là không kể một phần những ghi chú được ghi bên lề của các bản đồ. Như vậy, rõ ràng là văn bản và minh hoạ luôn đi đôi với nhau, và chỉ riêng điều đó cũng đủ để lý giải tại sao tập bản đồ lại được tách riêng ra. Hai tập văn bản chia thành ba phần: phần một là bản dịch tiếng Việt có chú giải, cùng với nguyên văn bằng chữ Hán Nôm của nguyên bản; phần hai là bản dịch tiếng Pháp và tiếng Anh; phần cuối là bảng tra cứu bằng tiếng Việt và chữ Hán Nôm. Thay vì sắp xếp các tỉnh theo trình tự chữ cái, bộ sách sẽ giới thiệu theo trình tự địa lý. Giải pháp này không phải là duy nhất, nhưng nó cho phép chúng ta làm một cuộc hành trình theo hình vòng cung, bắt đầu từ Hà Nội, qua đồng bằng châu thổ sông Hồng, vòng lên vùng núi phía Đông Bắc rồi Tây Bắc, quay trở lại vùng Trung du, hạ lưu sông Hồng tới tận các tỉnh miền Trung, như Thanh Hoá rồi Thừa Thiên - Huế. Sau khi đã trao đổi rất nhiều, chúng tôi cho rằng cách trình bày theo kiểu hành trình vòng cung như vậy phù

hợp hơn cả với tinh thần của văn bản và giúp bạn đọc dễ dàng theo dõi được liên tục mô tả về các địa phương có vị trí địa lý liên kề với nhau.

Tóm lại, việc sắp xếp lại bộ sách như vậy cho thấy rằng bộ sách không chỉ đơn thuần là tập hợp lại những văn bản cổ mà là tạo ra một công cụ làm việc cho tất cả những ai quan tâm đến lịch sử và địa lý của Việt Nam.

Nguyên văn văn bản đã được đánh lại hoàn toàn, nhờ thế chúng tôi đã thu gọn được số trang so với nguyên bản viết tay. Điều này không những giúp chúng ta đọc dễ dàng hơn mà quan trọng hơn là nhờ đó hình thành được phần sách dẫn. Trong phần này số trang trong nguyên bản được chỉ rõ trong một hình vuông màu đen trên văn bản: ví dụ **8a** là mặt trên và **8b** là mặt dưới của tờ số 8 trong văn bản Hán Nôm. Bộ sách này vẫn giữ nguyên phần mục lục gắn ở đầu của mỗi tập, như tập A.537 của Viện Viễn Đông Bác cổ, trong đó ghi rõ số của các trang mô tả từng phủ và huyện.

Về cơ bản, phần đánh máy nguyên văn đã cố gắng tôn trọng theo đúng nguyên bản, kể cả những ký tự bằng chữ Nôm cũng như một số tự dạng đặc thù theo cách viết của người Việt Nam. Tuy nhiên khi gặp những lỗi sao chép hiển nhiên thì chúng tôi cũng căn cứ vào văn cảnh hoặc tham khảo tài liệu liên quan để tiến hành đính sửa¹. Những sửa đổi này là cần thiết để chữa lại những nhầm lẫn trong quá trình sao chép văn bản vào đầu thế kỷ XX. Trong trường hợp bản sao chép sót chữ, trong bản in chúng tôi xem xét khôi phục lại chữ đó vào dưới hình thức chữ có đường viền khung vuông ở bên ngoài, còn nếu không xác định được chữ sót đó, chúng tôi sẽ thể hiện bằng một ô tròn trống². Cuối cùng, việc đánh máy nguyên văn văn bản cho phép thêm vào một số chi tiết cần thiết như: dấu chấm câu theo Hán ngữ hiện đại, dùng kiểu chữ in đậm trong các đề mục chính của sách, một số nguyên chú kiểu "lưỡng cước" được đưa vào trong ngoặc đơn hoặc được in với cỡ chữ nhỏ hơn.

Bản dịch ra tiếng Việt hiện đại, do trên nguyên bản về cơ bản đã có sự thống nhất về hệ thống các tiêu mục chung, nhưng cũng có một số tập có cách trình bày hơi khác đi. Chúng tôi cố gắng thể hiện sự thống nhất đó bằng các tiêu mục với kiểu chữ thích hợp. Phần kê tên các xã thôn của từng huyện, trong nguyên bản không đánh số, ở bản dịch, sau khi đối chiếu với số đơn vị xã thôn chúng tôi đã ghi kèm theo số thứ tự để tiện cho người đọc kiểm số khi cần thiết.

Ngoài phần đảm bảo giải mã chính xác nguyên văn Hán Nôm ra, chúng tôi đã đưa vào những chú giải cần thiết của người dịch ở cuối trang. Chú giải nói chung bao gồm 3 loại:

1. Chú giải về địa lý lịch sử: Để người đọc tiện liên hệ với nội dung của *Đồng Khánh địa dư chí*, trước mỗi *tỉnh, phủ, huyện*, chúng tôi đều có một chú giải về chia đặt lãnh thổ và thay đổi địa danh qua các đời cho đến thời Đồng Khánh (năm 1886-1887). Để soạn những chú giải này chủ yếu chúng tôi tham khảo các công trình biên khảo địa lý học như *Úc Trai Dư địa chí*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Phương Đình địa dư chí* và những tài liệu liên quan kèm theo xuất xứ tham khảo. Về cấp *xã thôn*, do kết quả của việc nghiên cứu lệ kiêng húy ở nước ta, chúng tôi đã có thể xác định được tên những xã, thôn thời Đồng Khánh đã thay đổi theo các lệnh kiêng húy của triều Nguyễn. Không ít trường hợp tên xã thôn từ đầu triều Nguyễn về trước cơ bản không thay đổi, từ đó có thể nói

¹ Chẳng hạn như, đoạn câu 城門砌磚，高壹尺貳尺五寸 rõ ràng phải sửa lại là 城門砌磚，高壹^丈貳尺五寸 (tỉnh Hà Nội, tr. 75).

² Ví dụ như câu 一條小路自縣莅西北寧省文江縣界 cần phải được thêm vào một chữ 至 để sửa lại là 一條小路自縣莅^至北寧省文江縣界 (tỉnh Hải Dương, tr. 188). Nhưng ngược lại rất khó điền câu ○○○○等月北風陰雨連寒 (tỉnh Quảng Trị, tr. 1403).

chúng ta đã tìm ra không ít địa danh đã có từ thời Lý Trần hoặc sớm hơn nữa. Trong khi chúng ta chưa có một bộ "Từ điển địa danh" đến cấp xã thôn toàn quốc, chúng tôi hy vọng phần chú giải này hỗ trợ được phần nào cho sự tìm kiếm tài liệu của các nhà nghiên cứu.

2. Chú giải về văn bản: Bản A.537 là một bản sao khá tốt. Nhưng một công trình chép tay hơn 2.500 trang không thể tránh khỏi những sai sót về văn bản. Gặp trường hợp như vậy chúng tôi có chú thích nguyên văn viết như thế nào và lý giải ngắn gọn sai sót để tiện tham khảo.

3. Ngoài ra chúng tôi cũng có chú giải một số từ ngữ Hán văn về tên thực vật, động vật, ngành nghề thủ công ở các mục sản vật, khí hậu v.v... Những trường hợp tìm thấy giải thích trong các từ điển cổ song ngữ Hán-Nôm như *Chỉ Nam ngọc âm giải nghĩa*, *Nam phương danh vật bị khảo*, chúng tôi đều có kê cứu để trợ giúp tham khảo.

Cũng nhằm tránh sự trùng lặp và do những khó khăn về mặt kỹ thuật, nên phần lớn chú giải nêu trên không được đưa vào bản dịch tiếng Pháp và tiếng Anh. Thay vào đó, phần chú giải ở đầu của mỗi tỉnh đều được dịch và đưa vào văn bản bằng chữ in nghiêng trong móc vuông để phân biệt với văn bản, với tiêu đề *Nhận xét về lịch sử hành chính...* Phần chú giải thêm vào này giống như một lời giới thiệu tổng quát về từng tỉnh, mô tả sự biến đổi về lãnh thổ, những thay đổi về giới hạn, tên gọi và đơn vị hành chính trong lịch sử từ thời đô hộ phương Bắc tới nay. Cùng với các bản đồ hiện đại trong tập bản đồ, phần chú giải này cho phép chúng ta dễ dàng xác định được vùng sẽ được mô tả.

Do thiếu thời gian và do sách đã quá dày, nên chúng tôi chỉ dịch ra tiếng Pháp và tiếng Anh phần mô tả các tỉnh chứ không dịch phần về các phủ và huyện. Tuy vậy, hai bản dịch này cũng đã cho thấy được tâm vóc của bộ *Đồng Khánh*, những độc giả có nhu cầu nghiên cứu chi tiết hơn về một phủ nào đó có thể tham khảo bản dịch tiếng Việt. Trong khi dịch cuốn sách ra tiếng Pháp và tiếng Anh chúng tôi gặp một số khó khăn. Trước hết, đó là làm thế nào để đảm bảo được tính xác thực của văn bản, nghĩa là phải sử dụng ngôn ngữ cổ, đồng thời là ngôn ngữ được sử dụng trong các văn bản hành chính thế kỷ thứ XIX. Tên riêng của các dân tộc thiểu số được giữ nguyên (Kinh, Tày, Mán, Thổ...), ngay cả khi từ đó có nghĩa khinh miệt, trong trường hợp như vậy, chúng tôi chỉ thêm vào một từ gì đó để thể hiện sắc thái này. Tuy nhiên, cái khó là làm thế nào để dịch được những tên gọi khác nhau cùng chỉ một dân tộc thiểu số, hoặc một nhóm người. Chẳng hạn như hai từ *Minh Hương* và *Thanh Nhân* đều để chỉ người Hoa ở Việt Nam vào những thời kỳ khác nhau, để giữ được sự khác biệt giữa hai từ này chúng tôi buộc phải sử dụng hai cụm từ là *người gốc Hoa* ("sujets d'origine chinoise") và *Hoa kiều* ("ressortissants chinois"). Cuối cùng, khó khăn lớn nhất của chúng tôi là dịch các đơn vị đo lường ra tiếng nước ngoài. Chúng tôi không muốn giữ nguyên các từ tiếng Việt (mẫu, sào, học, thưng...) vì những từ này không có ý nghĩa gì với người nước ngoài. Chúng tôi cũng không thể chuyển được tất cả các đơn vị này ra ki-lô-mét, héc-ta, tấn... vì làm như vậy rất phức tạp và sẽ làm thay đổi sắc thái của văn bản. Do đó, chúng tôi buộc phải tìm tòi trong kho từ vựng của các thương gia trước kia những thuật ngữ về cân, đo, đong, đếm, ngoài ra cũng phải thay đổi chút ít khi không có từ tương đương, như *nhúm*, chúng tôi dịch là *vài hạt*. Những từ chỉ đơn vị đo lường này hết sức quan trọng, nó cho thấy tính chính xác đến từng hạt thóc trong việc thu thuế hay từng mi-li-mét đất trong thống kê và phân chia ruộng đất. Chính vì vậy, chúng tôi in kèm một bản từ vựng đo lường được dịch ra tiếng nước ngoài.

Ở cuối của tập hai của bộ sách này là phần sách dẫn, được chia theo hai bộ phận. Bộ phận tra cứu theo chữ Hán-Nôm của nguyên bản được sắp xếp theo thứ tự số nét của chữ Hán-Nôm, bao gồm toàn bộ tên các địa danh địa lý, nhân vật, vật thể kiến trúc, di tích lịch sử... xuất hiện trong nguyên văn bản. Bộ phận tra cứu tiếng Việt, các mục sách dẫn được xếp theo thứ tự chữ cái tên địa danh, sau mỗi tên địa danh đều có chỉ rõ cấp bậc hành chính và phủ, tỉnh trực thuộc.

Tập bản đồ bao gồm toàn bộ 278 bản đồ kèm theo văn bản được lưu giữ tại Viện Hán-Nôm và 20 bản đồ hiện đại các tỉnh. Việc chụp lại các bản đồ hết sức phức tạp do bản đồ đã bị đóng gáy và có vết gấp, đồng thời còn phải tái hiện lại chữ ghi trên bản đồ. Trước khi ra phim, các bản in đúc đã được xử lý bằng vi tính, cố gắng để không làm thay đổi gam màu của bản đồ, đồng thời khôi phục lại màu gốc tại một số chỗ đã bị thời gian làm mờ. Tuy nhiên, chúng tôi không thể tái hiện lại được các bản đồ theo đúng kích cỡ nguyên bản, thường là quá to (trung bình là 45 x 35 cm). Hơn nữa, các bản đồ của cùng một tỉnh thường có kích thước tương đối đều nhau, ví dụ như 25 bản đồ của tỉnh Hải Dương đều cùng cỡ 48 x 34 cm, chỉ có 6 cái lớn hơn hoặc nhỏ hơn 1 cm, trong khi đó mỗi tỉnh lại có kích cỡ riêng của mình. Bản đồ của tỉnh Quảng Bình và Nghệ An có kích thước lớn, còn của Hà Nội và Lạng Sơn thì nhỏ hơn. Do đó, nếu chúng tôi tuân thủ theo kích thước nguyên bản thì tập bản đồ sẽ không đồng đều và rất khó sử dụng. Chính vì vậy chúng tôi đã điều chỉnh lại tất cả các bản đồ theo cỡ 32 x 24 cm, có chú giải bên lề kích thước nguyên bản. Để tập bản đồ thêm phần chính xác và để dễ tham khảo, chúng tôi đưa thêm vào những thông tin và chỉ dẫn không có trong nguyên bản: phía trên mỗi bản đồ đều có tên bằng chữ Hán ; phía dưới tên bằng tiếng Việt, tiếng Pháp và tiếng Anh; cạnh gáy sách, có tên tỉnh; phía mép ngoài sách có mã số của bản thảo, vị trí của bản đồ trong văn bản và kích thước nguyên bản. Ví dụ, chỉ dẫn [A.537/5, f^o 71⁺, 41 x 32 cm] có nghĩa là [*bản đồ có kích thước nguyên bản là 41 x 32 cm nằm sau tờ số 71 của tập thứ năm trong nguyên bản A.537*]. Cũng giống như kích thước, chiều của bản đồ không giống nhau, cái thì theo chiều dọc, cái thì theo chiều ngang, và chiều dọc văn bản ghi trên bản đồ không chỉ thay đổi giữa các bản đồ mà còn khác nhau ngay trong cùng một bản đồ. Trong tập bản đồ này, chúng tôi xoay lại tất cả theo chiều dọc. Nếu như trong nguyên bản, hướng bắc nằm trên cạnh ngắn của hình chữ nhật, thì chúng tôi xoay bản đồ theo chiều thẳng, hướng bắc lên trên, bất kể chiều dọc văn bản ; ngược lại, nếu trên nguyên bản, hướng bắc nằm trên cạnh dài và không thể chuyển lên phía trên thì chúng tôi xoay bản đồ sao cho chữ của những ghi chú trên bản đồ được đọc theo hướng từ trái sang phải. Cuối cùng chúng tôi xin lưu ý rằng, trong tập bản đồ, ở trang ghi tên mỗi tỉnh đều có một bản đồ hiện đại giúp cho bạn đọc có thể tham khảo cùng với những thông tin trong chú thích của bản dịch. Rất tiếc rằng chúng tôi không thể vẽ lên trên bản đồ này đường ranh giới của mỗi tỉnh theo bản đồ cổ, vì không thể làm chồng lên nhau như vậy, nhưng dù sao bản đồ hiện đại cũng cho phép chúng ta xác định được vị trí của tỉnh mà chúng ta quan tâm căn cứ vào địa hình, sông suối hay địa danh nếu không bị thay đổi.

Nhóm biên tập

凡例

本書是計劃工作小組經五年不斷努力工作的結果。工作過程中分為若干工段進行，每一工段後書的結構又有所調整改變。因為同慶地輿志具有如下異於一般書籍的兩個特點。其一此部地輿志內容包括二十五省份的"奏冊"，分別釘為二十五卷，其卷帙編號次序是按照省名拉丁字母排列而並非根據所在行政地理區域或文本內容。其二該書原本已失，僅存抄本。這一抄本中據吳先生版本考查證明又內含一些同慶年代以後的修改。因此同慶地輿志的出版不簡單是將其書已定型的原稿進行編譯付梓，反而要求重新確定版本結構加以編立成書。技術和語言等方面的關係迫使編輯小組提出如下的必要解法。

如上所述，抄本原來包括 25 集。由於原書規模太大，因此這次出版只包括從順化 - 承天以北諸省分並分為三集：第一、第二集為正文，第三集為地圖。原本資料上，地圖零散附於諸省、府、縣正文部分之後，現匯集別為一集。這不僅是技術方面的要求而且還為讀者閱讀方便而著想。地圖別為一集可使讀者容易將正文及其相關地圖同時擺在面前，順利地進行互考互證，避免翻頁的困難，提高研究效果。

正文二集內容包括三大部分。第一為越語譯本及漢喃原文部分，第二為英語與法語譯本，第三為越語及漢喃索引。諸省份安排次序不再根據省名拉丁字母順序而是沿著一個弧形路程，起自河內省，經由珥河三角州北至東北山區，往西至西北山區，再繞過珥河中游及下游一帶南往清化及中部諸省直至順化 - 承天。這可不是唯一或最佳的做法，但經多次討論後我們認為如此排列是比較合理，特別是有助於讀者能有連續性地閱讀研究地理位置相鄰省份的描述。從上述所做的結構調整看來，本書不單純匯編古籍，而且還為關心越南歷史和地理的研究者創造有用的工具。

同慶地輿志的原漢喃字全文都以電腦進行輸入，使古籍大尺寸的手寫本大大壓縮。這不僅便于閱讀而更重要的是據此才編成其書必有的索引部分。原文輸入時，基本上依照原抄本，如頁碼標誌，以 **8a** 和 **8b** 表示原本第八頁的前後兩面；每卷首頁目錄，即遠東學院抄寫時所加。文字輸入方面，除純漢字外，連喃字或越南特殊寫法的漢文字樣亦盡量保存。當然遇有明顯的抄寫錯漏時就根據語境或參考資料加以訂補，編者所訂補的字均加外匡標誌，如：原文"城門砌磚，高壹尺貳尺五寸"訂為"城門砌磚，高壹^文貳尺五寸"，或"一條小路自縣莅西北寧省文江縣界"則訂補為"一條小路自縣莅西^至北寧省文江縣界"，若無法恢復原文準確的字則以一圓圈表示，如"○○○○等月北風陰雨連寒"。此外，電腦輸入還允許加入一些必要的排版因素，如按照現代漢語方式加以句逗標號，以粗體字表示大條目，將"兩腳"式原注加入括號之中或用減小兩級尺寸的字體表示。

越語譯本，由於原本上雖有相當一致的標題項目，但某卷亦稍有例外。我們盡量用不同字型的標題系列以表示。諸縣屬下的社、村名單，原本上本無編號，我們進行核對後另加編號以便於讀者核准

除將漢喃原文準確地翻譯成現代國語外，需要時還在頁尾特加譯者的有關注腳。注腳大概有三類：第一為歷史地理注腳。為使讀者便於深入了解同慶地輿志的內容，在每一省、府、縣等大項目前，我們對該行政單位均特加注腳，說明其歷代至同慶時期(1886-1887 年)的領土分置及地名沿革。這些注腳是我們參考抑齋輿地志、大南一統志、方亭地輿志等地理學古籍的資料來編寫並均注明資料的來源。至於社、村單位，利用有關越南避諱的研究成果，我們可以確定同慶時期遵照阮朝避諱敕令而進行的許多社、村地名更改。其中不少場合地名從阮朝代以前基本上沒有任何更改，因此從這些注腳可以了解其地自李陳朝代或更早時代的原名。在目前還未有全國社、村單位的地名辭典的情況下，這樣的注腳可能有助於讀者對地名歷代變化的了解。第二為版本的注腳。編號 A.537 的同慶地輿志是較好的抄本，但一部二千五百多頁的龐大手抄書籍不免存有錯漏等版本問題。對版本上的錯漏，我們均加以注明其原文並作簡短理解和處理。第三為對漢文的注腳。這是針對一些有關植物、動物，民間行業等特殊詞語加以解釋的。這些詞語若在指南玉音解義，南方名物備考等雙語性詞典古籍已有解釋時都另加注明資料來源以助參考。

為了避免重複，對一些出現頻率較高的注腳則僅在第一次加以解釋，因此讀者無論閱讀何省亦應仔細參閱第一集內河內、海陽、興安、南定等省的相關注腳。

索引部分包括兩個查表。漢喃查表按漢喃字筆劃數順序排列，收錄在漢喃原文出現的一切地理地名、人物、建築物、歷史遺跡等條目。越語查表按拉丁字母順序排列，收錄越譯本中出現的全部地名，地名後均注明其行政級別及其所屬行政級別。

地圖集包括珍藏在漢喃研究院原抄本中的地圖二百七十八及附帶現代地圖二十幅。這些地圖由於分散附釘在相應正文卷帙之內，且被摺疊造成較為嚴重的痕跡與變色，因此複印時要經特殊處理以盡量保留其原始面貌。至於地圖幅度，由於其大小平均為 45 x 35 公分，都超過現代一般出版品尺寸，且諸省的地圖尺寸有所相差不勻，造成技術方面上及以後使用的困難，因此複印時將地圖一律按比例調整為 45 x 35 公分尺寸。每幅地圖均注明漢、越、英、法等四語言名稱及其有關信息，如 [A.537/5, fo 71+, 41 x 32 cm] 即表示該地圖 "出於原抄本編號 A.537，第五卷第 71 頁之後，原尺寸為 41 x 32 公分"。原本內地圖擺放方向亦顯得橫豎不一。本書內地圖一律改為豎置，原圖矩形框長邊為北_南向者則按北上南下放置；長邊為東_西向者則按圖上注解文字左右走向放置。此外，地圖集中對每一省份均附有一張相應該省的現代地圖表示其轄目前的大概位置。

編輯組

Choices, Principles and Conventions Adopted in this Edition of the *Descriptive Geography of the Emperor Đông Khánh*

It is natural that this publication, fruit of unceasing labour over a period of five years, should have passed through different stages, which caused substantial modifications to be made to its overall structure. This observation stands out all the more when one realises that the *Descriptive Geography of the Emperor Đông Khánh* was not a typical work of classical scholarship which could be published in the image of existing works of its type. The *Descriptive Geography* is unique in two important ways. On the one hand, the manuscript is made up of a collection of twenty-five individual fascicules (twenty-six if one includes the two tomes that deal with the province of Hải-Dương). These reports sent to the court were indexed in alphabetical order by name of province, and not in response to any administrative or geographical principle, nor even to any logic internal to the text. On the other hand, the manuscript is not an original, which has been lost, but simply a set of copies which, as Ngô Đức Thọ observes in his introduction, have been modified in a number of ways. The fact that this *Descriptive Geography* is neither a completed text nor an original manuscript has obliged us to establish the text ourselves, and create from it a book. Technical constraints have turned this into a double challenge – editorial and philological – requiring the editors to make a certain number of choices.

While the original text covered twenty-five provinces, as noted above, considerations of publishing space have obliged us to limit the present edition to a total of nineteen provinces, including the capital at Thừa Thiên - Huế and all provinces to the north. The edition is made up of three volumes: two volumes of text (I, II) and one volume of maps (III). Before going into detail, we should say something about this overall organisation. The maps were scattered throughout the original manuscript, placed after the respective description of each province, prefecture and district. Here they have been arranged in a single volume, both for technical and other reasons. Above all, placing them apart from the text allows the reader to view both the text and the map at the same time, permitting a parallel reading of the document which corresponds perfectly to the classical conception of geography, for which text and image were inseparable. Very often, in explicit and implicit ways, a mention in the text or a bizarre silence leads the reader to refer to the maps, and vice versa. Not everything is mentioned in the text, because of the existence of a map, and the map indicates only those aspects of the problem which are not raised in the text. Moreover, part of the text may be found written in the margins of the maps. Writing and illustration were conceived as a pair, a conception which justified the creation of a detailed atlas by administrative unit. The volumes of text are divided into three different parts. There is the annotated translation into modern Vietnamese followed by a reproduction of the original text in characters, the translations into English and French, and finally a complete index in Vietnamese and characters. Rather than follow the alphabetical order of the provinces, this edition presents the fascicules in a geographical progression. Other choices would certainly have been possible, but this allows the reader to follow the maps and their description across the Red River Delta, up into the highlands from the northeast to the northwest, down to the northern middle region, and then into the central corridor of Vietnam at Thanh-Hoá, following it as far south as Thừa Thiên - Huế. After lengthy consideration, we felt that this form of presentation corresponded to the spirit of the original project and that it would also enable the document to be read as a geographical progression.

Whatever the form finally chosen, the overall architecture of the present edition shows quite clearly that it is intended not simply as the publication of an ancient text but rather as a research tool which may be used by all who are interested in the history and geography of Vietnam.

The original text has been entirely retyped for this edition. This has allowed us to reduce the space between the characters, handwritten and widely spaced in the original, with a view to the establishment of a more closely formatted text, easier to read, and the compilation of the index. The original pagination is nonetheless indicated with a black square in the text: for example, **8a** refers to the recto and **8b** to the verso of the eighth folio of the fascicule concerned. The present edition has reproduced in their original form the short tables of contents which, inserted at the beginning of each fascicule of the École française d'Extrême-Orient A.537 copy, show the number of the folio where the description of each prefecture or district begins.

Scrupulous respect has been paid to the original manuscript in the printed text, including reproduction of Sino-Vietnamese (*nôm*) characters. However, when they were clear and unambiguous, a certain number of errors have been corrected.³ These corrections are justified as we are confronted here, let us recall, not with a truly original manuscript but with a copy made at the beginning of the twentieth century, in which copy scribe errors cannot be ruled out. In cases of omission in the manuscript, the printed text includes the missing character surrounded by a box, or where the missing character could not be identified, an empty circle.⁴ The typing of the text also allowed a certain number of useful improvements: punctuation, use of bold type for section titles or principal subjects of description, notes in parentheses or small characters.

While the different fascicules of the text are presented in a coherent way, there nonetheless remain a certain number of differences from the original. We have sought to maintain the homogeneity of the *Descriptive Geography*, by emphasising the titles of thematic sections. In the same way, and in order to facilitate the task of the reader, we have numbered the lists of village and hamlet names which appear in the different districts of each province

The translation of the text into modern Vietnamese includes more than 200 footnotes. These notes were assembled after consulting numerous scholarly sources and fall into three types: commentary on historical geography, commentary on philology and general commentary. They might explain ancient references, shed light on obscure translations and provide precious supplementary information on units of measurement, administrative terms, names of plants or cloth, rivers and mountains, temples and shrines, ancient proverbs and hidden citations, not to mention philological notes on the original terms, copying errors and the use of formulas which require explanation. Certain terms linked to units of measurement or architectural and administrative vocabulary are explained only at their first occurrence, to avoid unnecessary repetition. As a result, whatever the region under examination, the reader will find it useful to read the notes to the three or four provinces which appear at the beginning of the book (Hà-Nội, Hải-Dương, Hưng-Yên and Nam-Định).

For the same reason and because they are often highly technical, the majority of these notes do not figure in the English and French translations. By contrast, the first note of each province, on its histo-

³ For example, it is clear that 城門砌磚，高壹尺貳尺五寸 should read 城門砌磚，高壹^丈貳尺五寸 (province of Hà Nội, p. 75).

⁴ For example, 一條小路自縣莅西北寧省文江縣界 should read 一條小路自縣莅西^至北寧省文江縣界 (province of Hải Dương, p. 188). But it is difficult to find the missing characters in the phrase ○○○○等月北風陰雨連寒 (province of Quảng Trị, p. 1403).

rical geography, has been translated in its entirety and placed within the text – in italics and between square brackets to distinguish it – under the title *Note on the Administrative History of the Province*. This note, which is a sort of summary introduction to the province, describes the evolution of the territory under its control, the changes to its boundaries, place names and administrative status over the centuries, from the Chinese era to the end of the twentieth century. Alongside the contemporary map included in the atlas, it provides a useful perspective on the space which is treated in the description which follows it.

Only part of the text has been translated into English and French. The description of each province as a whole has been covered in full, but considerations of time and publishing space have prevented translation of the detailed sections on the prefectures and districts. The translation more than suffices, however, to display the entire interest of the *Descriptive Geography*, and if necessary the reader may always refer to the text in characters or modern Vietnamese. We should also note that a certain number of principles and standpoints governed the manner in which the translation into western languages was made. Our first aim was to maintain, as far as possible, the authenticity of the original text. The reader should not be surprised, therefore, to encounter from time to time an old-fashioned style, an unfamiliar turn of phrase or an archaic piece of vocabulary. These were the intended style of the translation, designed to ‘render’ the ancient text. That is to say they aimed both to preserve the atmosphere of the nineteenth century text and express its character, which lay in a particular way of expressing things. These geographical descriptions, written by and for mandarins, were the vehicles of conceptions and representations that were not necessarily shared by the common people of that time or of our time. The language of the translation has sought to give voice to these.

Anachronisms, in such an undertaking, were inevitable, particularly in the case of ethnonyms. For today’s ‘Chinese’, for example, we maintained the distinction current in the nineteenth century between the 明鄉 (*Minh Hương*) and the 清人 (*Thanh Nhân*). Both were identified by reference to the name of a Chinese dynasty, but while the former were partisans of the fallen Ming dynasty who had sought refuge in Vietnam during the seventeenth century, the latter had settled more recently – and often only temporarily – along the marches of the empire and in the great commercial centres of Vietnam. In order to distinguish them, as the original does, we have called them ‘Ming-dynasty Chinese’ and ‘Qing-dynasty Chinese’ respectively. By contrast, the majority of the original names for other ethnic groups have been maintained, even though, as a result of Vietnam’s long history of ethnic group classification, they are identified differently today. A translation of these names would lead to misunderstandings and, in many cases, would empty the name of all meaning. The *Việt* or *Kinh* people, who form Vietnam’s majority population, are described in the original text of the *Descriptive Geography* with the character 漢 (*Hán*), in a interesting example of administrative terminology imported from China. In the same way, we have maintained the original name of the ethnic groups now known as ethnic minorities. The nineteenth century Mán, Miêu and Thổ were not yet known as Yao, H’mông and Tày – even when these terms were pejorative. Our aim has, therefore, been to choose the words used in the translation to achieve a maximum of transparency for the conceptions in vogue at the time the geography was written.

The same desire for authenticity governed our translation of the units of measurement which appear throughout the text. The question was by no means simple. Should we maintain the Vietnamese terms (*lý, dặm, mẫu, sào, tấc, hộc, thăng, lạng, thưng*, etc.), and content ourselves with the idea that translation into western languages would add nothing to the version in Vietnamese? Should we, on the other hand, try to convert these units into their modern equivalents (kilometres or miles, hectares or acres, kilogrammes or pounds or, etc). Neither of these options seemed satisfactory. The second,

which was the more attractive, was barely feasible, given our ignorance of the exact equivalent of certain units of measurement and the variation in their value from one region of Vietnam to another. The solution we finally chose was to find our terms in the rich dictionary of terms used by the peasants and merchants of by-gone times. Length was thus expressed in leagues, rods and yards, surface areas in acres, square poles and square feet; volumes of paddy in bushels, (dry) pints and handfuls. Fish sauce was counted in jars, silver in taels and gold in ounces. Many of these terms remain in use in Great Britain and elsewhere, and will not be unfamiliar to the reader. Where appropriate, moreover, some of these terms for which an exact equivalent could not be found, or where this equivalent was deemed very obscure, were rendered with exact translations of the Vietnamese original (*nắm* = handful).

In these circumstances, we would like to underline the fact that, most regrettably, it will be impossible for the reader to establish exact equivalences between the Vietnamese and western systems. We have, however, attempted to respect orders of size and hierarchies of terms. But the great advantage of this method of translation is that this vocabulary allows us a unique insight into the extreme precision – we might even say punctiliousness – of the mandarins' fiscal accounts. The following examples, from the province of Hải Dương, are typical. Annual taxation paid in paddy there was '259,039 bushels, sixteen pints, one double handful and nine handfuls', while taxable paddy fields covered an area of '424,439 acres, five square poles, eight square perches, six square yards, eight square feet and six square inches'. It seemed to us that the use of these ancient and highly specific terms brought out the bureaucratic and fiscal formalism of the infinitesimal units of measurement used at the time, where simple translation into our own era's volumes and areas would obscure this. The example mentioned above illustrates this clearly: the handful (*nắm*, a fraction of what a person's two hands would contain when cupped) was cited in the context of a total weight of more than 1,000 tonnes. We should add, moreover, that we have left out a number of even smaller units. Quantities of cereals smaller than a handful, for example, were counted in *lẻ*, *nhúm* and *que*, but we simply used generic terms like 'a few grains' (one *que* had a value, in fact, of six grains) or rounded the figure up with the expression 'slightly over'. The reader will notice that the document's extreme respect for detail is not restricted to the description of fiscal quantities. The distance which separates the citadel of Lạng-Son from the mountain of Dương Cốc is calculated to the nearest twelve centimetres... For those interested in entering into this thorny but fascinating aspect of the *Descriptive Geography*, a summary conversion table for the main units employed and the translations adopted may be found below.⁵

The final part of the volumes of text is a voluminous index. The Chinese index, arranged by number of character strokes, includes all the names of places, people, monuments, etc. The Vietnamese index is an alphabetical list of toponyms, each one set in the context of the administrative hierarchy of which it was a part.

The atlas reproduces 278 of the original maps found in the fascicules kept at the Hán-Nôm Institute. The reproduction of these maps was a delicate process because of the binding and the marks made by

⁵ The table below offers no more than a number of suggestions for conversion, and should be used with great care. Even the basic unit of land area – the acre (*mẫu*) – poses a problem, as it varied over time and between regions. We cannot reach any level of certainty, as a result, as to the exact areage of a particular piece of land, the more so during the troubled period at the end of the nineteenth century. For earlier attempts at conversion, see Bon et Dronet, *Manuel de conversation tonkinois* (Ke-So, Imprimerie de la Mission, 1900), pp. 498-503. Also John Crawford, *Journal of an Embassy from the Governor-General of India to the Courts of Siam and Cochinchina* (London, Henry Colburn, 1828), pp. 516-519.

folds on the original documents, and also because of the need to be able to read the characters. Photographic reproduction was the only feasible option. Before the images were printed, however, the film was computer processed in a treatment which modified nothing of the range of colours used by the cartographers in those days but simply restored to these colours some of the brightness which had faded over time. Inevitably, we cannot guarantee that all the colours have been reproduced exactly as the original, nor that the atlas is an exact copy of the manuscript. But the work of restoration has rendered all the maps both legible and as faithful a reproduction as possible.

It was not possible, however, to reproduce the maps in their original format, which was too large for this sort of publication (on average 45 x 35 cm). While maps of the same province were of comparable dimensions – for example the twenty-five maps of the province of Hải-Dương measure 48 x 34 cm, with the exception of six which are a centimetre larger or smaller – each province used its own format and dimensions. The maps of the provinces of Quảng Bình and Nghệ An are large, while those of Hà-Nội et Lạng-Son are comparatively small. Strict reproduction of the original format would have resulted in an atlas both difficult to use and very heterogenous. We have, therefore, chosen to present the maps in an edited format of 32 x 24 cm, while marking the dimensions of the original in the margin of each. For reasons of precision and to facilitate consultation, each map in the atlas is marked with a series of indications which could not be found on the originals. Its title is written above the actual map; the translation of the title into Vietnamese, English and French is placed below; the name of the province may be found on the inner margin, by the binding; the position of the map in the fascicule and its original dimensions may be found on the outer margin. For example, the indication [A.537/5, f° 71⁺, 41 x 32 cm] means: ‘map measuring 41 x 32 cm, placed after folio 71 of the fifth fascicule of the collection A.537’.

Like the format, the orientation of the maps is not consistent throughout the original collection. Some maps are vertical, some are horizontal and the direction the text may be read varies both between maps but also on the same map. All the maps are reproduced vertically here. They are oriented northwards when North is on the shorter side of the original map, whatever the direction of the text. However, when North is on the longer side of the original, it was impossible to place it at the top of the page, and in these cases the maps are oriented to allow the characters to be read from the left to the right hand side of the book. We should also mention that, in the atlas, the title page of each province is illustrated with a map of the late twentieth century province, which may be consulted in tandem with the information contained in the *Note on the Administrative History of the Province*, which may be found in the text (as a footnote in the Vietnamese version, and at the beginning of each description in the English and French translations). While it proved impossible to superimpose the contemporary map on the ancient map, the inclusion of the former will allow the reader to locate the respective region, based on comparison of the relief, rivers and – for those which have not changed – the names of places.

The Editors

Choix, principes et conventions en vigueur dans la présente édition de la *Géographie descriptive de l'empereur Đồng Khánh*

Il est naturel que la présente publication, fruit d'un travail poursuivi sans relâche durant cinq années, soit passée par plusieurs étapes qui, chacune, ont apporté des modifications substantielles à son architecture d'ensemble. Ce constat est d'autant plus vrai que la *Géographie descriptive de l'empereur Đồng Khánh*, loin d'être une édition traditionnelle consistant à reproduire à l'identique un ouvrage déjà existant, se fonde sur une double particularité. D'une part les manuscrits disponibles forment une collection de vingt-cinq fascicules individuels – vingt-six si l'on compte séparément les deux tomes de Hải-Dương – qui, dans la mesure où il s'agissait à l'origine de rapports adressés à la cour, sont classés par ordre alphabétique du nom des provinces et non point selon les régions géographiques ou administratives, ni même selon une quelconque logique interne au texte. D'autre part, ces manuscrits ne sont pas des originaux, car ceux-ci ont disparu, mais de simples copies qui, comme l'écrit M. Ngô Đức Thọ dans sa présentation, ont été remaniées à plusieurs endroits. Cette *Géographie descriptive* n'étant ni un ouvrage déjà constitué ni un recueil de manuscrits de première main, il s'agissait tout à la fois d'établir le texte et de créer un livre. Avec les contraintes techniques, c'est cette double singularité – éditoriale et philologique – qui a conduit les éditeurs à opérer certains choix.

Cette édition se compose de trois volumes : deux forts volumes de textes (I, II) et un volume de cartes (III). Elle concerne les provinces qui s'étendent de Thừa Thiên - Huế jusqu'au Nord car, pour bien des raisons, les six provinces situées au sud de l'ancienne capitale n'ont pu figurer ici.

Avant d'entrer dans le détail, disons quelques mots de la réorganisation générale à laquelle nous avons procédé. Les cartes, qui sont disséminées dans les manuscrits – à la suite de la description de chaque province, préfecture et district – ont été regroupées en un seul volume pour des raisons qui ne sont pas seulement techniques. Les faire figurer à part permet en effet au lecteur d'avoir sous les yeux à la fois le texte et sa carte de référence, et de pratiquer ainsi une double lecture qui correspond parfaitement à la conception ancienne de la géographie selon laquelle écriture et graphisme sont indissolublement liés. Bien souvent, explicitement ou non, par le biais d'une mention ou à l'inverse d'un étrange silence, le texte renvoie à la carte et celle-ci à celui-là. Tout n'est pas dit dans le texte puisqu'il y a la carte, tandis que celle-ci passe sous silence ce qui figure déjà dans le texte, sans compter qu'une partie du texte se trouve calligraphié dans les marges de la carte elle-même. D'évidence, écriture et illustration ont été conçues pour aller de pair, et ceci seul aurait justifié que la cartographie figurât en un atlas individualisé. Quant à eux, les volumes de textes comprennent trois parties différentes : d'une part la traduction en vietnamien moderne et ses annotations, qui sont suivies du texte original en caractères, d'autre part les traductions en anglais et en français, et enfin un index complet en vietnamien et en caractères. Plutôt que de suivre l'ordre alphabétique des provinces, cette édition présente les fascicules dans un ordre géographique. D'autres choix étaient certes possibles, mais celui-ci permet de former un itinéraire en demi-boucle qui, au départ de Hà-Nội, traverse le delta du fleuve Rouge, se dirige vers la Haute région du Nord-Est puis du Nord-Ouest, revient vers la Moyenne région du Nord puis le bas delta et emprunte pour finir le corridor central du Việt-Nam, à hauteur de Thanh-Hoá, pour aboutir enfin à Thừa Thiên - Huế. Après maintes discussions, nous avons

pensé que cette présentation sous forme de circuit était conforme à l'esprit du texte et qu'elle facilitait en outre la lecture en continu.

En tout état de cause, l'architecture générale de la présente publication montre assez que celle-ci se veut moins la simple édition d'un texte ancien qu'un véritable outil de travail au service de tous ceux qui s'intéressent à l'histoire et la géographie du Việt-Nam.

Les manuscrits originaux ont été entièrement frappés, ce qui a permis de réduire considérablement l'espace qu'ils occupaient (au total 2 832 pages d'un format très aéré, chaque page comprenant huit lignes d'une vingtaine de caractères). Cette saisie permettait en outre de faciliter la lecture et, chose capitale, de compiler l'index. Dans la présente édition, la pagination d'origine est néanmoins indiquée par un carré noir inclus dans le texte : par exemple, **8a** renvoie au recto et **8b** au verso du huitième folio du fascicule concerné. La présente édition a maintenu telles quelles les courtes tables des matières qui, ajoutées au début de chaque fascicule de l'exemplaire A.537 de l'École française d'Extrême-Orient, indiquent les numéros de folios où commence la description de chaque préfecture ou district.

Il va sans dire que le texte imprimé respecte scrupuleusement les manuscrits, y compris en ce qui concerne les caractères sino-vietnamiens (*nôm*). Néanmoins, lorsqu'elles étaient manifestes et sans ambiguïté, certaines erreurs ont été corrigées.⁶ Ces rectifications se justifient d'autant plus que nous sommes en présence, rappelons-le, non pas d'une version proprement originale mais d'une copie réalisée au début du XX^e siècle, de sorte qu'une erreur du copiste n'est jamais à exclure. En cas d'omission dans le manuscrit, le texte imprimé porte le caractère rétabli entouré d'un carré ou bien, si le caractère manquant n'est pas identifiable, un cercle vide.⁷ Enfin, la saisie du texte a permis quelques enrichissements fort utiles : ponctuation, impression en gras des titres de sections ou des sujets principaux de la description, notes passées entre parenthèses ou en petits caractères.

Si les différents fascicules du texte original sont présentés d'une manière cohérente, il n'en reste pas moins que certaines dissemblances apparaissent çà et là. Néanmoins, notre traduction s'est efforcée de restituer l'homogénéité de la *Géographie* en mettant en valeur le titre des chapitres thématiques. De même, mais aussi dans le but de faciliter le travail du lecteur, nous avons ajouté une numérotation dans la liste des noms de villages et hameaux des différents districts de chaque province.

La traduction de ce texte en vietnamien moderne comporte plus de 200 notes infra-paginales. Celles-ci, établies après avoir consulté de nombreux ouvrages de référence, sont de trois types : les notes de géographie historique, les notes philologiques et les notes à portée plus générales venant expliciter une référence ancienne, éclairer un point de traduction ou apporter des informations complémentaires sur les unités de mesure et les termes administratifs en usage, les noms de plantes ou d'étoffes, les fleuves et les montagnes, les temples et les sanctuaires, les proverbes anciens et les citations cachées, sans compter les notations philologiques concernant les termes originaux, les erreurs de copie ou l'emploi de formules canoniques qui exigent une explication. Toutefois, certains termes liés aux unités de mesure ou au vocabulaire architectural et administratif, par exemple, n'ont été annotés qu'à la première occurrence afin d'éviter de fastidieuses répétitions. En conséquence, quelle que soit la région

⁶ Par exemple, il était évident que 城門砌磚，高壹尺貳尺五寸 devait se lire 城門砌磚，高壹丈貳尺五寸 (province de Hà Nội, p. 75).

⁷ Par exemple, 一條小路自縣莅西北寧省文江縣界 devait être complété en 一條小路自縣莅西至北寧省文江縣界 (province de Hải Dương, p. 188). Mais il était en revanche difficile de compléter la phrase ○○ ○○等月北風陰雨連寒 (province de Quảng Trị, p. 1403).

à laquelle il s'intéresse, le lecteur aura avantage à lire en détail les notes des trois ou quatre premières provinces (Hà-Nội, Hải-Dương, Hưng-Yên et Nam-Định).

Toujours pour éviter l'effet de redondance, et parce qu'elles sont souvent techniques et difficilement transposables, la plupart de ces notes ne figurent pas dans les traductions française et anglaise. En revanche, la première note de chaque province – qui concerne la géographie historique – a été traduite *in extenso* et insérée dans le texte – en italiques et entre crochets pour le distinguer de celui-ci – sous le titre *Aperçu sur l'histoire administrative....* Cette adjonction, qui constitue une sorte de présentation sommaire de la province, décrit l'évolution du territoire, les modifications de ses limites et les changements de noms et de titulature administrative à travers l'histoire, depuis l'époque chinoise jusqu'à nos jours. Mise en regard de la carte contemporaine qui figure dans l'atlas, elle fournit un commode aperçu de l'espace dont il sera question dans la description qui fait suite.

Les traductions en anglais et en français sont partielles. Elles sont limitées à la description des provinces toutes entières mais, faute de temps et de place, ne rentrent pas dans le détail des préfectures et des districts. Elles suffisent néanmoins à saisir tout l'intérêt de la *Géographie descriptive de l'empereur Đồng Khánh* et, si besoin en était, le recours à l'original ou à la traduction vietnamienne demeure possible. Il faut néanmoins expliciter ici les quelques principes et partis pris qui ont guidé ces traductions en langues occidentales. Notre premier souci a été de conserver, autant que faire se pouvait, l'authenticité du texte original. Qu'on ne s'étonne donc pas de rencontrer par endroits un style désuet, des tournures de phrases démodées ou un vocabulaire un peu suranné. Ces archaïsmes sont volontaires. Ils sont destinés à “rendre” le texte ancien, c'est-à-dire d'une part à préserver la patine d'un manuscrit du XIX^e siècle et, d'autre part, à exprimer son cachet particulier qui passe par une “manière de dire” particulière : ces descriptions géographiques, écrites par et pour des mandarins, véhiculent en effet des conceptions et des représentations qui ne sont pas forcément celles des hommes du commun, et que le langage doit tâcher de restituer. Ce parti pris nous prémunissait aussi contre les anachronismes, particulièrement redoutables dans le cas des ethnonymes. Pour les “Chinois” par exemple, il convenait de conserver la distinction entre les 明鄉 (*Minh Hương*) et les 清人 (*Thanh Nhân*). Les uns et les autres sont certes désignés par le nom d'une dynastie chinoise, mais alors que les premiers étaient des partisans de la dynastie déchue des Ming qui se sont réfugiés au Việt-Nam au cours du XVII^e siècle, les seconds étaient récemment – et sans doute provisoirement – établis aux confins de la frontière du Nord et dans les grandes places commerciales du Việt-Nam. Afin de les différencier, comme le fait si bien le texte original, nous les avons désigné respectivement “sujets d'origine chinoise” et “ressortissants chinois”. À l'inverse, la plupart des noms désignant les actuelles ethnies du Việt-Nam ont été maintenus – avec cependant une explication entre crochets à la première occurrence – parce qu'une transcription serait source de malentendu ou bien causerait une regrettable perte de sens. Pour désigner les Việt ou Kinh, c'est-à-dire la population majoritaire, la *Géographie* use du caractère 漢 (*Hán*) qui renvoie habituellement aux Chinois. De même, l'appellation originale des ethnies minoritaires a été conservée – les Mán, Miêu et Thổ n'étaient pas encore dénommés Yao, H'mông et Tày –, même lorsque ces termes étaient péjoratifs. Il s'agissait donc, par le biais du lexique, du choix des mots et des qualificatifs, de laisser transparaître les conceptions de l'époque.

C'est le même souci d'authenticité qui explique pourquoi nous avons traduit les unités de mesure. La question était épineuse. Devait-on conserver tels quels les termes vietnamiens (*lý, dặm, mẫu, sào, tấc, hộc, thăng, lạng, thưng*, etc.), en se résignant à ce que la traduction en langue occidentale n'apporte rien par rapport à la traduction en vietnamien ? Devait-on au contraire tâcher de les convertir en équivalents modernes (kilomètres, hectares ou tonnes), au risque de perdre l'effet de patine auquel nous étions attachés ? Aucune de ces deux options n'étaient satisfaisantes. La seconde, qui était aussi la plus

attrayante, était même irréalisable puisque nous ignorons encore à quoi correspondaient certaines unités de mesure, et que la plupart d'entre elles variaient d'une région à l'autre. La meilleure solution consistait donc à puiser dans le riche lexique des arpenteurs et des marchands des temps passés. Les longueurs sont donc exprimées en lieues, toises ou pieds ; les surfaces en arpents, verges, quartiers ou carreaux ; les contenance en setiers, veltes, paniers et boisseaux. Le paddy se mesure en gerbes, la saumure en jarres, l'or et l'argent en taels. Dès lors, disons-le très clairement, il ne faut pas chercher de concordances entre les unités vietnamiennes et celles qui avaient cours en Europe avant l'adoption du système métrique – encore que nous nous soyons efforcés de respecter les ordres de grandeurs et la hiérarchie des termes. Mais force est aussi de constater que seul ce vocabulaire permettait d'exprimer l'extrême précision – pour ne pas dire le caractère pointilleux – des décomptes fiscaux. Les exemples qui suivent, tirés de la province de Hải-Dương, sont caractéristiques : “L'impôt annuel en paddy s'élève à 259 039 setiers, 16 boisseaux, une poignée et neuf pincées” et “Les rizières imposables s'étendent sur une superficie de 424 439 arpents, cinq verges, huit quartiers, six carreaux, huit perches et six pieds”. Il nous a semblé que l'usage de termes à la fois anciens et concrets pouvait faire apparaître le formalisme bureaucratique et fiscal de ces mesures infinitésimales que sont une pincée (*nắm*, environ un dixième de ce que contiennent les mains jointes) appliquée à un poids total de près de 1 000 tonnes, ou encore un doigt (*hót*, moins d'un millimètre carré) comparé à une superficie de près de 10 000 hectares... Non seulement nous n'avons point forcé le trait, mais il a même fallu renoncer à transcrire des unités plus petites encore, appelées *lẻ*, *nhúm* et *que*, en se contentant de l'expression générique “et quelques grains” (un *que* valait en effet six grains). Le lecteur s'apercevra du reste que cette minutie ne concerne pas seulement les mesures fiscales. Ainsi la distance qui sépare les remparts de la citadelle de Lạng-Son de la montagne Dương Cốc est-elle calculée à 12 centimètres près... En tout état de cause, on trouvera plus bas un lexique sommaire des principales unités et les choix de traduction qui ont été les nôtres⁸.

Un volumineux index se trouve à la fin du deuxième tome. La partie en chinois, classée selon le nombre de traits des caractères, comprend la totalité des noms de lieux, de personnages, de monuments, etc. La partie en vietnamien, quant à elle, constitue un index alphabétique de l'ensemble des toponymes, pour chacun desquels on a pris soin de préciser la hiérarchie des ressorts administratifs dont ils dépendaient.

L'atlas comprend 278 des 314 cartes insérées dans les fascicules conservés à l'Institut Hán-Nôm. La reproduction, rendue très délicate par la reliure et les marques de pliures, ainsi que par la nécessité de pouvoir lire les caractères, a été réalisée par clichage. Avant le tirage des films, les clichés ont bénéficié de traitements informatiques poussés qui, sans modifier la gamme de couleurs utilisée par les anciens cartographes, ont permis de raviver les teintes qui, par endroits, s'étaient estompées avec le temps. On ne saurait certes certifier catégoriquement que les coloris sont toujours respectés, ni que cet atlas constitue l'exact reflet du manuscrit original. Mais le travail de restauration a toutefois permis de rendre toutes ces cartes à la fois plus lisibles et le plus fidèles possible. En revanche, il n'a pas été

⁸ Ce qui explique que le lexique inséré plus bas ne comporte que quelques propositions de conversion, qu'il faut de surcroît prendre avec beaucoup de prudence. Même l'unité de surface agraire de base – l'arpent (*mẫu*) – pose problème puisqu'il a varié selon les époques et selon les régions. Nous sommes incapables d'avoir la moindre certitude absolue, *a fortiori* durant le contexte troublé de la fin du XIX^e siècle. Voir Bon et Dronet, *Manuel de conversation tonkinoise* (Ke-So, Imprimerie de la Mission, 1900), pp. 498-503. En anglais, voir John Crawford, *Journal of an Embassy from the Governor-General of India to the Courts of Siam and Cochin-China* (London, Henry Colburn, 1828), pp. 516-519.

possible de les reproduire au format original, qui est trop élevé (en moyenne 45 x 35 cm). En outre les cartes d'une même province sont certes de dimensions comparables – par exemple, les 25 cartes de Hải-Dương mesurent 48 x 34 cm, sauf six qui ont un centimètre de plus ou de moins –, mais chaque province possède son propre format. Les cartes du Quảng-Binh et Nghệ-An sont plutôt grandes, celles de Hà-Nội et Lạng-Son plus réduites. Aussi, le strict respect du format original eût conduit à un atlas à la fois peu maniable et très hétérogène. Nous avons donc ramené toutes ces cartes au format éditorial 32 x 24 cm, mais en indiquant en marge de chacune d'elles ses dimensions originales. Par souci de précision et pour faciliter la consultation, chaque carte de l'atlas porte en effet une série d'indications qui ne figurent pas sur les originaux : au-dessus de la carte se trouve le titre en caractères ; en-dessous le titre en vietnamien, en anglais et en français ; sur le bord intérieur, du côté de la reliure, le nom de la province ; sur le bord extérieur la cote du manuscrit, la position de la carte dans le fascicule et ses dimensions originales. Par exemple, l'indication [A.537/5, f° 71⁺, 41 x 32 cm] signifie : “carte mesurant 41 x 32 cm insérée après le folio 71 du cinquième fascicule de la collection A.537”. Tout comme le format, l'orientation des cartes n'est pas unifiée. Elles sont tantôt verticales, tantôt horizontales et le sens de lecture du texte varie selon les cartes mais aussi sur une même carte. Toutes sont reproduites ici en mode vertical. Elles sont orientées au Nord lorsque celui-ci figure sur le petit côté de la carte originale, quel que soit le sens de lecture du texte ; lorsqu'au contraire le Nord figure sur le grand côté de la carte originale, donc lorsqu'il était impossible de le faire figurer en haut, elles ont été orientées de manière à pouvoir lire les caractères de la gauche vers la droite du livre.

Signalons pour finir que, dans l'atlas, la page de titre de chaque province comporte une carte actuelle, qui pourra être consultée en liaison avec les informations contenues dans *l'Aperçu sur l'histoire administrative de la province* qui se trouve dans la partie texte (en note dans la version vietnamienne, en tête de chaque description de province dans les traductions en anglais et français). À défaut de pouvoir y tracer le contour de la carte ancienne, superposition qui se révèle impossible en pratique, cette carte permettra de localiser la région concernée en s'appuyant sur le relief, les cours d'eau et, du moins pour ceux qui n'ont pas changé, les toponymes.

Les éditeurs

TỪ VỰNG CÁC ĐƠN VỊ ĐO LƯỜNG

計量單位表

CONVERSION TABLE FOR UNITS OF MEASUREMENT

LEXIQUE SOMMAIRE DES UNITÉS DE MESURE

Đơn vị đo chiều dài – 長度單位 – Units of Length – Unités de longueur

里	<i>dặm</i>	league	lieue	[≅ 720 m]
丈	<i>trượng</i>	rod	toise	[≅ 4 m]
尺	<i>thước</i>	foot/feet	pied	[≅ 0,4 m]
寸	<i>tấc</i>	inch/inches	pouce	[≅ 0,04 m]
分	<i>phân</i>	<i>untranslated</i>	doigt	

Đơn vị đo diện tích – 面積單位 – Units of Field Area – Unités de surface

畝	<i>mẫu</i>	acre	arpent	[≅ 3600 / 4900 m ²]
高	<i>sào</i>	square pole	verge	[≅ 360 / 490 m ²]
尺	<i>thước</i>	square perch	quartier	[≅ 24 / 32 m ²]
寸	<i>tấc</i>	square yard	carreau	[≅ 2,4 / 3,2 m ²]
分	<i>phân</i>	square foot	perche	
釐	<i>ly</i>	square inch	pied	
毫	<i>hào</i>	<i>untranslated</i>	pouce	
忽	<i>hốt</i>	<i>untranslated</i>	doigt	

Đơn vị đo đong (thóc) – 體積單位 (稻穀計量) – Units of Dry Volume (for quantities of paddy and other cereals) – Unités de capacité des céréales (paddy)

斛	<i>hộc</i>	bushel	setier	[≅ 60 l.]
鉢	<i>bát</i>	pint	boisseau	
升	<i>thưng</i>	pint	panier	
升	<i>thăng</i>	quart	velte	
合	<i>vóc</i>	double handful	poignée	
勺	<i>nắm</i>	handful	pincée	
抄, 撮, 圭	<i>lẻ - nhúm - que</i>	– “slightly over a handful ” – “a few grains ”	– “et quelques grains”	

Đơn vị đo lường khác dùng tính thuế – 其它稅收用單位 – Miscellaneous Units of Fiscal Measurement – Unités fiscales diverses

束	<i>bó</i>	bundle	gerbe
壩	<i>vò</i>	jar	jarre
片	<i>phiến</i>	board	bille de bois
橄欖燈	<i>cầm lăm dăng</i>	torch	torche

Đơn vị tiền tệ – 貨幣單位 – Units of Currency – Unités monétaires

兩	<i>lạng</i>	tael (silver) – ounce (gold)	tael
貫	<i>quan</i>	ligature	ligature
陌	<i>tiền ou mạch</i>	string [of sapeques]	décime
文	<i>đồng tiền</i>	sapeque	sapèque
分	<i>chính</i>	<i>untranslated</i>	denier
分	<i>phân</i>	grain	as
釐	<i>ly</i>	<i>untranslated</i>	liard

Đơn vị đo trọng lượng và thể tích – 重量與體積單位 – Units of Weight and Liquid Volume – Unités de poids et de volume

斤	<i>cân (solide)</i>	catty	livre
斤	<i>cân (liquide)</i>	pint	pinte
兩	<i>lạng</i>	ounce (except for silver = tael)	once [<i>sauf pour l'or et l'argent : taël</i>]
錢	<i>tiền</i>	<i>untranslated</i>	<i>non traduit</i>

Đơn vị hành chính – 行政單位 – Units of Administration – Unités administratives

路	<i>lộ</i>	territory	territoire
部	<i>bộ</i>	region	domaine
鎮	<i>trấn</i>	government	gouvernement
郡	<i>quận</i>	dominion	commanderie
道	<i>đạo</i>	regional inspectorate (“county” at the time of Đồng Khánh)	inspections régionales (“pays” à l’époque de Đồng Khánh)
承宣	<i>thừa tuyên</i>	division	circonscription
分府	<i>phân phủ</i>	sub-prefecture	sous-préfecture
縣	<i>huyện</i>	district	district
營	<i>dinh</i>	shire	ressort
州	<i>châu</i>	outer district	district montagneux
羈縻縣	<i>huyện kỵ mi</i>	loosely administered district	district extérieur
源	<i>nguồn</i>	mountain settlement	campement d’altitude

TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

參考資料與縮寫字

ABBREVIATIONS

TABLE DES ABRÉVIATIONS UTILISÉES

Toàn thư :	<i>Đại Việt sử ký toàn thư</i> 大越史記全書. Bản chữ Hán khắc ván gỗ năm Chính Hòa thứ 18 (1697) và bản dịch. (Hà Nội, NXB. Khoa học Xã hội, 1993).
Cương mục:	Quốc sử quán triều Nguyễn: <i>Khâm định Việt sử thông giám cương mục</i> 欽定越史通鑑綱目. Bản chữ Hán và bản dịch của Ban nghiên cứu Văn Sử Địa: <i>Việt sử thông giám cương mục</i> (Hà Nội, NXB. Văn Sử Địa, 1960).
ƯTĐĐC:	Nguyễn Trãi: <i>Ức Trai Dư địa chí</i> 抑齋輿地志. Bản chữ Hán trong <i>Ức Trai di tập</i> 抑齋遺集 Phúc Khê tàng bản, Tự Đức Mậu thìn (1868) q.5 - <i>Dư địa chí</i> 輿地志. Bản chú giải của Hà Văn Tấn trong <i>Nguyễn Trãi toàn tập</i> , (Hà Nội, NXB. Sử học, 1979).
ĐNNTC:	Quốc sử quán triều Nguyễn: <i>Đại Nam nhất thống chí</i> 大南一統志. Bản chữ Hán chép tay, A.69 (Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm) và bản dịch (Hà Nội, NXB. Khoa học Xã hội, 1970-1971).
PĐĐDC:	Nguyễn Văn Siêu: <i>Phương Đình địa dư chí</i> 方亭地輿志. Bản chữ Hán trong <i>Đại Việt địa dư toàn biên</i> 大越地輿全編, q.1-5. Thành Thái Canh tí [1900] quý thu tân thuyên, VHv.1709/1-3 (Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm).
CTTX:	<i>Các trấn tổng xã danh bị lãm</i> 各鎮總社名備覽. Bản chữ Hán, chép tay, A.570/1-2 (Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm) và bản dịch (Hà Nội, NXB. Khoa học Xã hội, 1981).
ĐNHĐSL:	Quốc sử quán triều Nguyễn: <i>Đại Nam hội điển sự lệ</i> 大南會典事例. Bản dịch, (NXB Thuận Hóa, Huế, 1993).
ĐKĐDC:	Quốc sử quán triều Nguyễn: <i>Đồng Khánh địa dư chí</i> 同慶地輿志. Bản chữ Hán chép tay, A.537, (Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm).
THQQ:	Cố Viêm Vũ: <i>Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư</i> 天下郡國利病書. Bản in trong <i>Đại Việt địa dư toàn biên</i> 大越地輿全編, q.1, tờ 33-51.
CNNÂ:	<i>Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa</i> 指南玉音解義. Bản in ván gỗ năm Tân tị (1641), AB.372 (Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm).
VĐLN:	Lê Quý Đôn: <i>Ván Đài loại ngữ</i> 芸臺類語. Bản dịch (Hà Nội, NXB Văn hóa, 1962).
PBTL:	Lê Quý Đôn: <i>Phủ biên tạp lục</i> 府邊雜錄. Bản dịch trong <i>Lê Quý Đôn toàn tập</i> , tập 1, (Hà Nội, NXB. Khoa học Xã hội, 1977).
NPDVBK:	Đặng Xuân Bảng: <i>Nam phương danh vật bị khảo</i> 南方名物備考. Bản chữ Hán khắc in năm Thành Thái Tân sửu (1901).
ĐNVN:	Đào Duy Anh: <i>Đất nước Việt Nam qua các đời</i> . (Hà Nội, NXB. Khoa học, 1964).

DTLSVHVN: Ngô Đức Thọ (chủ biên): *Di tích lịch sử văn hóa Việt Nam*. (Hà Nội, NXB. Khoa học Xã hội, 1990).

NCCHVN: Ngô Đức Thọ: *Nghiên cứu chữ húy Việt Nam qua các triều đại*. (École française d'Extrême-Orient và Viện Nghiên cứu Hán-Nôm, Hà Nội, NXB. Văn hóa, 1997).

QV: *Quảng vận* 廣韻. Quảng văn thư cục ấn hành (không có năm in).

ngv. : nguyên văn.

ngb. : nguyên bản.

x. : xem.